

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2023

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Kim Chơn;

2/ Bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 23/7B ấp Tây L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 2B/55/1 ấp A, xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/9/2022 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Năm 2005, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Cường có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, Quyền số 01/2014 ngày 03/7/2014. Sau

khi kết hôn bà T và ông C cùng chung sổ tại địa chỉ: 2B/55/1 ấp A, xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm. Từ năm 2019 bà T và ông C phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên bà T đã cùng các con chung chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ: 23/7B ấp Tây L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M. Bà T và ông C đã ly thân 4 năm nay, trong thời gian ly thân ông C cũng không còn liên lạc với bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không thăm gặp con chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Văn C có (02) hai con chung tên Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ; Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ và Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ, không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Lê Văn C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C;

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Văn C có (02) hai con chung tên Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ và Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung là Lê Thị Thanh N và Lê Thị Thanh T1, không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T;

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ và Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn C. Căn cứ vào Kết quả xác minh ngày 05/6/2023 của Công an xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Lê Văn C1 đang cư trú tại địa chỉ: 2B55 tổ 7, ấp 2 xã Phạm Văn H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình C.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ

thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2023 vì lý do bận công việc nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông Lê Văn C như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã trực tiếp ký nhận văn bản nhưng ông Lê Văn C vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không có thiện chí đoàn tụ và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Lê Văn C*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số: 01/2014 ngày 03/7/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, thấu hiểu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, hai bên không thể cảm thông, chia sẻ cho nhau được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến tháng 10/2021 bà T đã cùng các con chung chuyển về chung sống cùng gia đình mình tại địa chỉ: 23/7B ấp Tây L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M; Thời gian sống ly thân bà T và ông C không tìm được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Qua đó, cho thấy bản thân ông C cũng không thật lòng muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc muốn được ly hôn với ông Lê Văn C.

[2.2]. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thanh T:* Theo Bản sao Giấy khai sinh số 278/2020 ngày 12/5/2020, Bản sao Giấy khai sinh số 734, quyển số: 04/2014 ngày 31/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M cấp và trình bày của bà T thì bà T và ông C có 02 (hai) con chung là Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ và Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ. bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung Lê Thị Thanh N và Lê Thị Thanh T1.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm bố mẹ. Theo như lời trình bày của bà T thì từ sau khi bà chuyển về sống tại gia đình bà đến nay, hai trẻ Thanh N, Thanh T1 đã được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai trẻ Thanh N, Thanh T1 phát triển bình thường. Trẻ Thanh N cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ và em gái. Do hai trẻ Thanh N, Thanh T1 còn nhỏ, lại là con gái, cần rất nhiều tình cảm và sự quan tâm, gần gũi, chăm sóc của người mẹ trong việc phát triển tâm, sinh lý, vì vậy, để đảm bảo cho hai trẻ Thanh N, Thanh T1 có một cuộc sống và sự phát triển toàn diện nhất, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai trẻ Thanh N, Thanh T1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Ngoài ra, ông Lê Văn C không trực tiếp nuôi hai con chung là trẻ Lê Thị Thanh N và Lê Thị Thanh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con đối với 02 (hai) con chung Lê Thị Thanh N và Lê Thị Thanh T1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Thị Thanh N, Lê Thị Thanh T1 và ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận bà và ông Lê Văn C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

- *Về án phí:* Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Nguyễn Thị Thanh T khởi

kiện yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Lê Văn C.

- *Về con chung*: Giao các trẻ Lê Thị Thanh N, sinh ngày: 19/10/2014, giới tính: Nữ và Lê Thị Thanh T1, sinh ngày: 27/04/2020, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042870 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí M;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí M;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Trang